TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2017/DSST
Ngày: 30/8/2017
V/v: Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Quốc
- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Út Hậu
2. Ông Nguyễn Văn Trãi

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phố – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2016/DSST ngày 26/12/2016 về tranh chấp: ***"Đòi lại tài sản"*** **.**

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1/ Ông Lê Thành M, sinh năm 1951.

2/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953.

Cùng nơi cư trú: Khu vực Thới B, phường P Thới, quận Ô M, thành phố C T. (Có mặt tại phiên tòa)

Đại diện hợp pháp của ông Lê Thành M là Lê Châu A, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khu vực Thới B, phường P Thới, quận Ô M, thành phố C T. (văn bản ủy quyền ngày 21/6/2017). (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn:

1/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1956.

2/ Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Khu vực Thới L, phường Phước T, quận Ô M, thành phố C T.

Đại diện theo ủy quyền bị đơn: Ông Đặng Trọng T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: số 580, đường Cách Mạng Tháng T, phường Bùi Hữu N, quận Bình T, thành phố C T. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N

Nơi cư trú: Khu vực Thới L, phường Phước T, quận Ô M, thành phố C T. (Xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn như sau:

Ngày 15/9/1997 Âm lịch vợ chồng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Kim L có mượn của vợ chồng nguyên đơn 25 chỉ vàng 24k (10 tuổi) và thế chấp cho vợ chồng nguyên đơn bằng 02 công đất vườn do ông Nguyễn Văn T bán cho ông Lê Văn T vào ngày 29/09/1997. Khi mượn, vợ chồng ông T và bà L có hứa đến cuối năm 1998 sẽ trả. Khi đến hẹn, nguyên đơn có đến nhà đòi nhưng vợ chồng ông T và bà L tránh mặt không trả. Đến năm 2000, nguyên đơn tiếp tục đòi lại số nợ trên thì vợ chồng ông T và bà L lấy lý do đang gặp khó khăn nên chưa trả được. Thấy hoàn cảnh của nhà ông T, bà L khó khăn nên vợ chồng nguyên đơn tiếp tục cho vợ chồng ông T, bà L nợ số vàng trên. Đến nay, vợ chồng ông T đã có tiền do con gái lấy chồng nước ngoài và được nhà nước đền bù do quy hoạch đất của vợ chồng ông. Tuy nhiên, khi vợ chồng nguyên đơn đến nhà đòi số nợ nói trên thì vợ chồng bị đơn cho rằng đã trả số nợ đó rồi. Sự việc đã được Ban nhân dân Khu vực Thới Lợi hòa giải nhưng không thành.

Vì vậy, nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ô Môn giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà L trả lại cho vợ chồng ông Minh 25 chỉ vàng 24k, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn do ông Đặng Trọng T đại diện trình bày:

Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Giấy mượn vàng của vợ chồng bà Mừng cung cấp không phải do bị đơn viết. Chữ ký trong giấy cũng không phải là chữ ký của ông T. Ông T đã trả đủ 25 chỉ vàng 24k cho vợ chồng ông Minh và bà Mừng. Số vàng trên được trả làm 02 lần, lần thứ nhất trả 15 chỉ cho bà Mừng vào tháng 10 năm 1999 tại nhà bà Mừng, lần thứ hai trả 10 chỉ cho bà Mừng vào tháng 4 năm 2000 tại chợ Ô Môn. Về việc 02 công đất được thế chấp, vợ chồng ông T cho rằng 02 công đất trên do vợ chồng ông mua sau khi mượn vàng của vợ chồng của bà Mừng nên vợ chồng bà Mừng nói 02 công đất trên là tài sản đem ra để thế chấp là không hợp lý.

Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ô Môn giải quyết buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 25 chỉ vàng 24k, nguyên đơn không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn: Bị đơn cho rằng bị đơn có mượn 25 chỉ vàng 24k của nguyên đơn và đã trả xong.

Ý kiến phát biểu của Viên kiểm sát: Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn phát biểu ý kiến của vụ án:

Tòa án thụ lý vụ án "***Tranh chấp đòi lại tài sản***" là đúng thẩm quyền và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghe các bên tranh luận, Hội đồng xét xử nhận xét về vụ án như sau:

Xét mối quan hệ pháp luật, nguyên đơn kiện bị đơn yêu cầu trả lại số vàng cho bị đơn mượn và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" giữa cá nhân và cá nhân được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh chứng cứ thuộc về đương sự.

[1] Bị đơn cho rằng Giấy mượn vàng của vợ chồng bà M cung cấp không phải do ông T viết và ký tên theo bị đơn chữ ký mua bán đất vườn không giống với chữ ký trong giấy mượn vàng nên không phải chữ ký của ông T, nhưng bị đơn không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, theo bị đơn thì nghĩa vụ chứng minh chữ ký là nghĩa vụ của người đi khởi kiện, việc cho mượn vàng bị đơn xác nhận là có mượn vàng của nguyên đơn và bị đơn đã trả đủ 25 chỉ vàng trên cho nguyên đơn cụ thể bị đơn trả 02 lần như sau:

- Lần thứ nhất: Trả 15 chỉ vàng cho bà M vào tháng 10 năm 1999 tại nhà bà Mừng.

- Lần thứ hai: Trả 10 chỉ vàng cho bà M vào tháng 4 năm 2000 tại chợ Ô M.

Tại phiên tòa ngày 22/6/2017 bị đơn cho rằng người làm chứng Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Kim Tuyến, Trương Thị Ánh biết được sự việc tranh chấp của các bên, nhưng bị đơn xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập những người này lên Tòa với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

Do bị đơn đã trả trả cho nguyên đơn xong 25 chỉ vàng 24k nên bị đơn không đồng ý trả 25 vàng 24k theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên bản hòa giải tại Khu vực Thới L, phường Phước T, quận Ô M, thành phố C T và các biên bản hòa giải tại tòa bị đơn đều thừa nhận có mượn nguyên đơn 25 chỉ vàng 24k của nguyên đơn. Mặc dù bị đơn không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng Tuy nhiên theo chứng cứ Tòa án thu thập được thì có người làm chứng, bà Như tại bản tự khai bà Như khai bà không biết giữa nguyên đơn và bị đơn có nhận tiền vàng không nhưng gần 10 năm nay không thấy bà L đòi tiền vàng ông T.

Tại biên bản hòa giải của tổ hòa giải khu vực Thới L, ủy ban nhân dân phường Phước T, quận Ô M ngày 3 tháng 12 năm 2016 bà T trình bày có nghe bị đơn bà L kể có thiếu 25 chỉ vàng 24k ông T trả lần 1 là 15 chỉ và trả lần 2 là 10 chỉ sau đó không thấy đi đòi. Bà A trình bày có bán đất cho ông T việc nợ bà không biết và không thấy đi đòi, nội dung trình bày của người làm chứng cũng được đại diện bị đơn tại phiên tòa xác định bà A, bà Tuyến, bà N biết được nội dung các đượng sự tranh chấp như trên.

Như vậy những người làm chứng trên cũng không biết được bị đơn đã trả đủ vàng cho nguyên đơn, bị đơn trình bày đã trả đủ 25 chỉ vàng 24k cho nguyên đơn nhưng bị đơn không chứng minh được nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn đã trả đủ vàng cho nguyên đơn là không có căn cứ.

[3] Đối với nguyên đơn thì nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là giấy mượn vàng, việc mượn vàng này cũng được bị đơn thừa nhận tại biên bản hòa giải của tổ hòa giải khu vực Thới Lợi, ủy ban nhân dân phường Phước Thới, quận Ô Môn ngày 3 tháng 12 năm 2016 và các lần hòa giải tại Tòa án và nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả số vàng trên cho nguyên đơn.

Do bị đơn có mượn vàng nguyên đơn nhưng không chứng minh được việc trả 24 chỉ vàng 24k cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Bị đơn cho rằng việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu. Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao thì yêu cầu đòi lại tài sản không tính thời hiệu khởi kiện nên bị đơn đặt ra vấn đề hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số 25 chỉ vàng 24K (Trị giá 01 chỉ vàng 24k tại thời điểm xét xử 3.580.000 đồng/chỉ) theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 70; Điều 91; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 256 Bộ luật dân sự 2005.

- Nghị quyết: 03/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao ngày 03 tháng 12 năm 2012.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thành M và bà Nguyễn Thị M là 25 chỉ vàng 24K khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.475.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự quận Ô M, thành phố C T.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.063.000 đồng theo biên lai thu số 009987 ngày 26/12/2016 tại chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn thành phố Cần Thơ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ô Môn;
- Chi cục THADS quận Ô Môn;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

*(*Đã ký)

Bùi Thanh Quốc